

**KẾ TOÁN CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI:
Bàn luận về Chuẩn mực kế toán Quốc tế (IAS 21)
và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS 10)**

□ *Hồ Xuân Thủy - Lê Văn Cường - Nguyễn Thị Thu Thủy*
*Lê Thị Ngọc Hà - Nguyễn Phan Thanh Ngân - Hoàng Thị Minh Thu**
**Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh*

Tóm tắt

Giai đoạn bắt buộc áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS) tại Việt Nam vào năm 2025, là giai đoạn khó khăn vì vẫn tồn tại những khác biệt đáng kể giữa Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS) và Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IFRS/IAS). Bài viết tập trung phân tích khoảng cách giữa IAS 21 và VAS 10, về ảnh hưởng của việc thay đổi trong tỷ giá hối đoái. Đồng thời, chỉ ra những bất cập của VAS 10, khi so sánh với IAS 21, những khó khăn khi áp dụng IAS 21 vào thực tiễn, tại Việt Nam. Từ đó, đưa ra các khuyến nghị hoàn thiện VAS 10 để phù hợp với IAS 21, nhằm chuẩn bị cho quá trình áp dụng IFRS diễn ra thuận lợi hơn.

Từ khóa: áp dụng IFRS, thay đổi tỷ giá hối đoái, VAS 10, IAS 21.

Abstract: The mandatory period of applying International Financial Reporting Standards (IFRS) in Vietnam by 2025 is a difficult period because there are still significant differences between the Vietnam Accounting Standard (VAS) and the International Accounting Standard (IFRS/IAS). The paper focuses on the gaps between IAS 21 and VAS 10 on the effects of changes in exchange rates. Simultaneously, the article points out the inadequacies of VAS 10 when compared with IAS 21, the difficulties in applying IAS 21 in practice in Vietnam; thereby giving recommendations to improve VAS 10 to be consistent with IAS 21, in order to prepare for a more favorable IFRS application process.

Keywords: IFRS adoption, changes in exchange rates, VAS 10, IAS 21.

JEL: M00, M21, M40, M41.

Đặt vấn đề

Năm 2001, Hội đồng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IASB) đã ban hành IFRS với mục đích tăng cường tính minh bạch và khả năng so sánh của thông tin trên báo cáo tài chính (BCTC), Hong & Nga, (2021). Việc áp dụng IFRS, sẽ giúp giảm chi phí chuẩn bị BCTC cho các công ty thu hút đầu tư trong và ngoài nước, Odiá & Ogiedu, (2013). Vì vậy, IFRS đã được nhiều quốc gia trên thế giới áp dụng, thay vì thiết lập chuẩn mực kế toán riêng của đất nước đó, Merve và cộng sự, (2014).

Theo thống kê của IASB, trên thế giới, tính đến hết 9/2018, đã có 166 quốc gia và vùng lãnh thổ ký cam kết áp dụng và triển khai IFRS, trong đó 144 quốc gia và vùng lãnh thổ đã và đang quy định bắt buộc các công ty đại chúng phải tuân thủ IFRS, IASB, (2018).

Từ 31/12/2001 đến 28/12/2005, hệ thống VAS gồm 26 chuẩn mực, đã được Bộ Tài chính ban hành qua 05 đợt, với 05 quyết định và 06 thông tư. Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, với sự phát triển mạnh mẽ của quá trình hội nhập quốc tế, những ảnh hưởng của Cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 và nhất là trong bối cảnh doanh nghiệp (DN), tổ chức tài chính, cổ phần hóa DN Nhà nước đang được tái cơ cấu mạnh mẽ và sự xuất hiện của nhiều công cụ tài chính phức tạp, VAS đã bộc lộ nhiều hạn chế như nhiều tiêu chuẩn chưa theo kịp sự thay đổi của nền kinh tế thị trường, Ngọc, Oanh & Huy, (2020), từ đó

tạo nên nhiều rào cản và làm giảm lòng tin của các nhà đầu tư, đối với các DN ở Việt Nam, Anh, Ngọc & Oanh, (2019). Ngoài ra, định hướng phát triển của VAS chỉ phục vụ cho các nhà đầu tư trên thị trường vốn, trong phạm vi quốc gia, chưa có sự liên thông với nước ngoài, Thoai, (2017). Điều này làm cho VAS dần trở nên không phù hợp, trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Ngày 16/3/2020, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định 345/QĐ-BTC phê duyệt đề án áp dụng IFRS, với mục tiêu hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về tài chính, kế toán, nâng cao tính minh bạch, hiệu quả của các thông tin tài chính, cũng như thúc đẩy hội nhập của nền kinh tế Việt Nam với khu vực và thế giới.

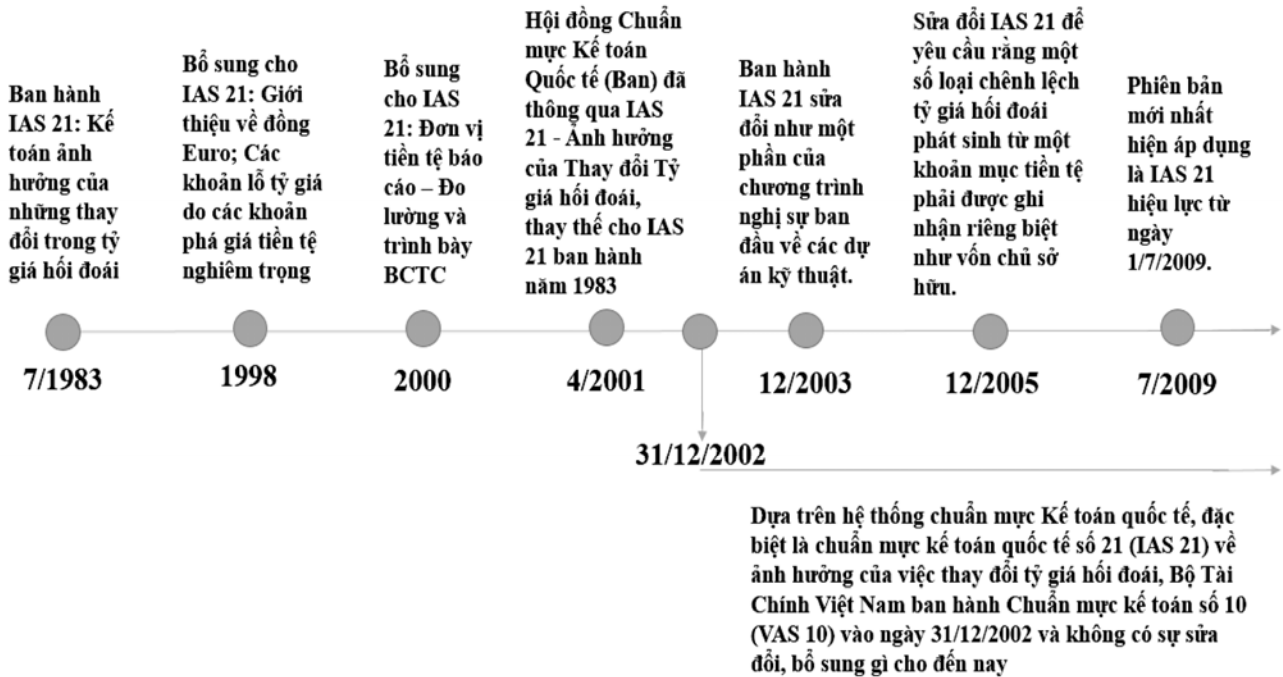
Hiện nay, Việt Nam đang trong thời kỳ đầu của giai đoạn áp dụng tự nguyện IFRS (2022 - 2025). Vì vậy, cần phải có một cái nhìn thật đúng về những hạn chế của VAS so với IFRS, để có thể điều chỉnh VAS trở nên phù hợp hơn với những IAS.

Nhận thấy tầm quan trọng của tỷ giá hối đoái, đối với nền kinh tế của mỗi nước, trong quan hệ ngoại thương và quan hệ xuất nhập khẩu giữa các quốc gia. Chúng tôi chọn phân tích và so sánh VAS và IFRS, về chênh lệch và thay đổi tỷ giá hối đoái, nhằm xác định những khó khăn mà Việt Nam gặp phải, trong vấn đề hòa hợp giữa VAS 10 và IAS 21. Cũng như đề xuất một số kiến nghị, nhằm rút ngắn khoảng cách giữa hai chuẩn mực trên và đẩy nhanh tiến trình áp dụng IFRS ở nước ta.

Tổng quan về VAS 10 và IAS 21

IAS 21 phiên bản đầu tiên, được ban hành vào 7/1983 và đã trải qua nhiều lần chỉnh sửa, bổ sung (1997, 2003, 2006) cho đến phiên bản mới nhất, được áp dụng có hiệu lực từ 7/2009. Mục tiêu của IAS 21 là quy định cách để trình bày các giao dịch bằng ngoại tệ và hoạt động nước ngoài trong BCTC của một tổ chức và cách chuyển đổi BCTC sang đồng tiền báo cáo (IAS 21.1). Dựa trên hệ thống IFRS, Bộ Tài chính đã ban hành VAS 10 vào năm 2002, nhằm quy định, hướng dẫn các nguyên tắc và phương pháp kế toán những ảnh hưởng do thay đổi tỷ giá hối đoái. Trong trường hợp, DN có các giao dịch bằng ngoại tệ hoặc có các hoạt động ở nước ngoài, bao gồm: ghi nhận ban đầu và báo cáo tại ngày lập bảng cân đối kế toán; ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái; chuyển đổi BCTC của các hoạt động ở nước ngoài làm cơ sở ghi sổ kế toán; lập và trình bày BCTC (VAS 10.01). Cho đến nay, vẫn chưa có sự thay đổi nào, đối với VAS 10. Dưới đây là tóm tắt sơ lược, quá trình hình thành và phát triển của 02 chuẩn mực này, Hình 1.

Hình 1: Tóm tắt sự phát triển của IAS 21 và VAS 10



Những điểm khác nhau cơ bản của VAS 10 và IAS 21

Đánh giá được tầm quan trọng của việc đánh giá chênh lệch tỷ giá hối đoái, đối với các giao dịch ngoại tệ, cùng với ảnh hưởng của quá trình toàn cầu hóa khiến số lượng DN FDI ở nước ta ngày càng tăng, vấn đề hòa hợp giữa VAS 10 và IAS 21 được rất nhiều DN ở Việt Nam quan tâm. Do đó, Việt Nam cần có phương hướng giảm bớt sự khác biệt giữa 02 chuẩn mực trên, để phù hợp với quá trình hội nhập nền kinh tế, Thoai, (2017). Cũng như cần có sự thống nhất, trong việc cung cấp thông tin tài chính với các DN trên thế giới, trong bối cảnh sự hợp tác quốc tế đang phát triển mạnh mẽ ở nước ta.

Thứ nhất, có sự khác biệt giữa VAS 10 và IAS 21 về đơn vị tiền tệ kế toán

Theo VAS 10, các DN phải sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ kế toán, BCTC trình bày bằng đồng Việt Nam là báo cáo mang tính pháp lý để công bố và nộp cho các cơ quan có thẩm quyền (VAS 10.03). Trong khi đó, IAS 21 đưa ra yêu cầu về “đồng tiền chức năng” là đồng tiền của môi trường kinh tế, chủ yếu nơi DN hoạt động. Đơn vị tiền tệ theo chức năng của đơn vị phản ánh các giao dịch, sự kiện và điều kiện cơ bản có liên quan đến đơn vị. Theo đó, một khi đơn vị tiền tệ chức năng được xác định, nó chỉ có thể được thay đổi nếu có sự thay đổi đối với các giao dịch, sự kiện và điều kiện cơ bản đó (IAS 21.13). Khi có sự thay đổi về đơn vị tiền tệ thì chức năng của đơn vị sẽ phải áp dụng phi hồi tố các thủ tục chuyển đổi sang đồng tiền chức năng mới, kể từ ngày thay đổi (IAS 21.35), cũng như phải công bố sự thay đổi và lý do của sự thay đổi đó (IAS 21.54).

Ngoài ra, IAS 21 cũng đề cập một vấn đề quan trọng, đặc biệt đối với các công ty đa quốc gia, đó là việc xác định đơn vị tiền tệ chức năng của các hoạt động nước ngoài. Nhờ sự linh hoạt của IAS 21 về vấn đề trên mà DN dễ dàng chọn báo cáo theo đồng tiền thuận tiện, nhất là đối với những DN đa quốc gia hoặc 100% có vốn đầu tư nước ngoài, cần lập báo cáo cho các cổ đông nước ngoài, giúp họ có cái nhìn tổng quan về tình hình DN.

Đồng thời, giảm chi phí, tiết kiệm thời gian, khi nước sở tại không yêu cầu chuyển đổi báo cáo theo đồng tiền chức năng tại nước đó.

Thứ hai, có sự khác biệt rất lớn giữa IAS 21 và VAS 10 về việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái

Đầu tiên, chúng ta phải kể đến sự khác biệt trong cách ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh, khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, để thực hiện đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh, khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính. IAS 21 cho phép DN lựa chọn một trong hai phương pháp được áp dụng, để ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái, đó là phương pháp chuẩn và phương pháp thay thế được chấp nhận: đối với phương pháp kế toán chuẩn về khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng, các khoản chênh lệch này cần được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong năm tài chính hiện tại, ngoại trừ khoản đầu tư ròng được hạch toán vào vốn chủ sở hữu (IAS 21.28); phương pháp thay thế được chấp nhận, sẽ áp dụng đối với trường hợp chênh lệch tỷ giá hối đoái là kết quả từ sự sụt giảm mạnh giá trị của một đồng tiền mà không có các công cụ tự bảo vệ.

Tiếp theo, một điểm mà VAS 10 không đề cập đến, đó là việc ghi nhận lãi hoặc lỗ liên quan đến các khoản mục phi tiền tệ. IAS 21 trình bày rõ: “Khi lãi hoặc lỗ liên quan đến các khoản mục phi tiền tệ được đưa thẳng vào vốn chủ sở hữu thì toàn bộ chênh lệch tương ứng với khoản lỗ, lãi đó cũng sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Ngược lại, khi lãi hoặc lỗ liên quan đến các khoản mục phi tiền tệ được đưa vào báo cáo kết quả kinh doanh thì toàn bộ chênh lệch tương ứng với khoản lỗ, lãi đó cũng sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh, (IAS 21.30)”. Điều này cho thấy, IAS 21 cho phép ghi nhận chênh lệch lãi, lỗ của các khoản mục phi tiền tệ, còn VAS 10 thì chỉ ghi nhận cho khoản mục tiền tệ. Ví dụ, nếu phát sinh lãi của khoản mục vốn cổ phần (share capital), thì phần lãi đó sẽ được đưa thẳng vào vốn chủ sở hữu và toàn bộ chênh lệch tương ứng với phần lãi đó, cũng được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu, trên bảng cân đối kế toán. Tương tự, nếu phát sinh lãi của các khoản mục doanh thu hay chi phí, thì phần lãi đó sẽ đưa thẳng vào báo cáo kết quả kinh doanh và toàn bộ chênh lệch tương ứng với phần lãi đó, cũng sẽ được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh.

Thêm vào đó, việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái đối với dự phòng rủi ro cho các khoản mục có gốc ngoại tệ cũng được quy định khác nhau ở hai chuẩn mực. IAS 21 quy định, việc hạch toán các nghiệp vụ tự bảo vệ cho các khoản mục có gốc ngoại tệ theo IFRS 9: công cụ tài chính, ghi nhận và đo lường. Ví dụ, IFRS 9 yêu cầu rằng, chênh lệch tỷ giá hối đoái đối với các khoản mục tiền tệ, mà thỏa mãn là các công cụ phòng ngừa rủi ro trong phòng ngừa rủi ro, dòng tiền được ghi nhận ban đầu vào vốn chủ sở hữu trong phạm vi công cụ phòng ngừa rủi ro có hiệu lực. Mặt khác, VAS 10 có quy định đối với DN sử dụng công cụ tài chính để dự phòng rủi ro hối đoái thì các khoản vay, nợ phải trả có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá thực tế, tại thời điểm phát sinh. DN không được thực hiện đánh giá lại các khoản vay, nợ phải trả có gốc ngoại tệ đã sử dụng công cụ tài chính để dự phòng rủi ro hối đoái. Trong trường hợp này, VAS hoàn toàn không đề cập đến trường hợp dự phòng, đối với các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ. Trong khi đó, thực tế một DN khi đã sử dụng công cụ tài chính để dự phòng rủi ro hối đoái thì không chỉ dự phòng cho các khoản vay, nợ phải trả mà còn cần phải dự phòng cho các khoản nợ phải thu bằng ngoại tệ, Giang, (2012). Chính vì vậy, có thể thấy, đây là một điểm mà VAS 10 nên điều chỉnh.

Thứ ba, về vấn đề chuyển đổi kết quả kinh doanh của đơn vị sử dụng đồng tiền chức năng (đơn vị tiền tệ kế toán) không phải là đồng tiền của nền kinh tế siêu lạm phát sang công ty mẹ sử dụng đồng tiền báo cáo khác

IAS 21 và VAS 10 có sự khác nhau về cách ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh, khi quy đổi sang báo cáo của công ty mẹ. IAS 21 đưa khoản này vào thu nhập toàn diện, VAS 10 lại đưa vào vốn chủ sở hữu của DN báo cáo, cho đến khi thanh lý khoản đầu tư thuần đó. Vì sự ghi nhận khác biệt trên, gây ra sự chênh lệch trên BCTC. Cụ thể, nếu ghi nhận theo IAS 21, tổng tài sản và tổng vốn chủ sở hữu sẽ ít hơn so với ghi nhận theo VAS 10. Do đó, các chỉ số tài chính sẽ ảnh hưởng theo, tùy vào mức độ, sẽ tạo ra sự ảnh hưởng đến quyết định của nhà đầu tư.

Thứ tư, về quy định lập BCTC trong điều kiện nền kinh tế siêu lạm phát

Theo IAS 21 (14, 43), BCTC của đơn vị, phải được trình bày lại theo quy định của IAS 29 (IASB ban hành năm 1989). Tuy nhiên, VAS 10 lại không đưa ra văn bản cụ thể nào hướng dẫn, dẫn đến DN gặp khó khăn khi lập báo cáo. Theo IAS 29 (6, 7), việc lập và trình bày BCTC trong điều kiện nền kinh tế siêu lạm phát, cần áp dụng phương pháp giá trị hợp lý, nhằm đánh giá đúng giá trị các tài sản và nợ phải trả. Trong khi đó, từ khi hình thành, chế độ kế toán Việt Nam được xây dựng trên cơ sở phương pháp giá gốc, Hưng, (2017). Đây là nguyên nhân chính dẫn đến việc trong VAS 10 vẫn chưa có văn bản nào hướng dẫn DN lập báo cáo.

Thứ năm, về phân loại lại hoạt động nước ngoài

Theo VAS 10 (32, 33), khi có sự thay đổi trong việc phân loại hoạt động ở nước ngoài, các quy định chuyển đổi BCTC của hoạt động ở nước ngoài được áp dụng, kể từ ngày thay đổi phân loại đó. Việc phân loại lại hoạt động ở nước ngoài, nhằm đánh giá đúng bản chất và đúng nguyên tắc phù hợp của kế toán khi ghi nhận chênh lệch, từ chuyển đổi BCTC hoạt động nước ngoài về công ty mẹ. Tuy nhiên, IAS 21 lại không đề cập đến vấn đề trên.

Thứ sáu, có sự khác biệt trong việc chuyển đổi BCTC của các hoạt động ở nước ngoài giữa VAS 10 và IAS 21

Theo VAS 10, tài sản và nợ phải trả được quy đổi theo tỷ giá cuối kỳ, khi chuyển đổi BCTC ở cơ sở nước ngoài. Trong khi đó, IAS 21 lại quy định việc sử dụng tỷ giá tại ngày lập BCTC để quy đổi. Tuy nhiên, ảnh hưởng của sự thay đổi tỷ giá hối đoái trong việc chuyển đổi BCTC theo phương pháp tỷ giá hiện hành, chỉ có thể tính vào vốn chủ sở hữu của đơn vị ở nước ngoài. Từ đó có thể thấy rằng, sự thay đổi tỷ giá hối đoái ảnh hưởng đến khoản mục đầu tư thuần của DN báo cáo hơn là đối với các khoản mục tiền tệ và phi tiền tệ riêng lẻ của cơ sở ở nước ngoài.

Một số gợi ý chính sách để hoàn thiện VAS 10 phù hợp hơn với IFRS

Việt Nam đang ở trong thời gian đầu của giai đoạn áp dụng tự nguyện IFRS (2022 - 2025) - giai đoạn bản lề cho quyết định áp dụng IFRS của các DN. Vì vậy, việc hiểu rõ được sự khác biệt, có cái nhìn đúng đắn về những thuận lợi, khó khăn giữa IFRS và VAS, là một điều vô cùng cần thiết và quan trọng. Với việc áp dụng IFRS, sẽ giúp phản ánh tình hình tài chính của công ty một cách chính xác hơn, giảm chi phí vốn như chi phí phát hành trái phiếu, cổ phiếu, tăng mức độ tín nhiệm, để thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài, Mai, (2013). Nhiều DN ở nước ta đã bắt đầu tiến hành lập BCTC theo IFRS, nhằm công bố thông tin ra nước ngoài. Bên cạnh việc lập BCTC theo VAS đối với một quốc gia đang phát triển như Việt Nam hiện nay, điều này đóng vai trò rất quan trọng trong

việc tăng trưởng nền kinh tế của đất nước. Bên cạnh đó, trong bối cảnh hầu hết các quốc gia trên thế giới đang dần áp dụng IFRS, việc áp dụng IFRS sẽ giúp các DN ở Việt Nam gia tăng mức độ cạnh tranh trong ngành, cũng như giúp nền kinh tế thị trường ở Việt Nam sẽ đạt được sự công nhận của các tổ chức quốc tế.

Hiện nay, xu hướng hợp tác với các công ty đa quốc gia của các DN Việt Nam đang phát triển mạnh, số lượng DN có vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài cũng ngày càng gia tăng, cùng với những thuận lợi trong việc đánh giá chênh lệch tỷ giá hối đoái mà IAS 21 mang lại so với VAS 10 cho các DN Việt Nam, việc áp dụng IFRS nói chung và IAS 21 nói riêng, dần trở thành một yêu cầu bắt buộc với nước ta, nhằm bắt kịp xu thế bắt buộc cũng như phục vụ cho việc hợp nhất BCTC ở công ty mẹ. Xuất phát từ những nguyên nhân đó, nhóm tác giả đưa ra 04 đề xuất, nhằm hòa hợp VAS 10 với IAS 21.

Một là, VAS 10 nên bổ sung hướng dẫn về sự kiện hoặc giao dịch cụ thể trong việc lập BCTC trong điều kiện siêu lạm phát

Là một quốc gia đang phát triển, Việt Nam đang thực hiện quá trình hội nhập, nền kinh tế sau đại dịch Covid-19 có thể đẩy sự mất tỷ giá lên cao, lạm phát là điều không thể tránh khỏi. Vì vậy, để tránh sự phức tạp của việc thực hiện chuyển đổi BCTC, VAS nên cập nhật về hướng dẫn lập BCTC, trong điều kiện siêu lạm phát.

Hai là, VAS 10 nên có hướng dẫn linh hoạt và cụ thể hơn về việc lập BCTC sử dụng đồng tiền báo cáo khác đồng tiền chức năng

Tuy điều này đã có hướng dẫn tại Thông tư 200, nhưng VAS 10 nên đề cập cụ thể và liên kết hơn về vấn đề này, làm tăng tính linh hoạt và giảm bớt khó khăn cho một số DN có vốn đầu tư nước ngoài.

Ba là, VAS 10 nên được bổ sung và sửa đổi

Cho phép DN sử dụng phương pháp thay thế để hỗ trợ DN trong trường hợp có sự sụt giảm mạnh giá trị của một đồng tiền mà không có các công cụ tự bảo vệ, nhằm giảm thiểu trường hợp phát sinh các khoản công nợ mà DN không có khả năng thanh toán, dẫn đến tình trạng nợ xấu, vỡ nợ. Bên cạnh đó, quy định nên được cụ thể và hợp lý hơn đối với việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá phát sinh trực tiếp cho tài sản dài hạn, giữa DN đang hoạt động và DN mới thành lập.

Bốn là, bổ sung thêm quy định rõ ràng về ghi nhận lãi, lỗ của các khoản mục phi tiền tệ là việc cần thiết

Các khoản mục phi tiền tệ chiếm tỷ trọng rất cao trên bảng cân đối kế toán và trực tiếp ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế trên báo cáo kết quả kinh doanh. Vì vậy, việc đánh giá lại lãi, lỗ của các khoản mục này là vô cùng cần thiết, để đảm bảo tính trọng yếu được tuân thủ.

Kết luận

Bài viết đã đưa ra và phân tích, bàn luận về khoảng cách giữa VAS 10 và IAS 21, cũng như đưa ra những kiến nghị, nhằm rút ngắn những khác biệt cần lưu ý của VAS 10 so với IAS 21, đặc biệt cần thiết trong giai đoạn áp dụng tự nguyện IFRS (2022 - 2025) hiện nay.

Với những kiến nghị đã nêu trên, chúng tôi tin rằng, cần có những giải pháp mang tầm vĩ mô để có thể áp dụng IFRS thành công ở Việt Nam, cũng như cần có sự cộng tác giữa các bên liên quan và sự sẵn sàng ngày càng toàn diện hơn từ phía các DN. □

Tài liệu tham khảo

1. Alibhai, S, (2018), *Wiley 2018 Interpretation and Application of IFRS Standards*, John Wiley & Sons, Ltd.

2. Anh, T. C., Ngoc, T. B., & Oanh, L. T. T, (2019), *Relationship between experts and enterprises viewed via the IFRS application: An empirical study in Vietnam*, *Asian Economic and Financial Review*, 9(8), 946-963.
3. Cai, N. T, (2020), *Diễn biến lạm phát năm 2010 - 2019 và giải pháp kiểm soát lạm phát giai đoạn 2020-2020 ở Việt Nam*, *Tạp chí Tài chính Tiền tệ*, 9, 32-39.
4. Cayirli, O, (2020), *IAS 21-The Effects of Changes in Foreign Exchange Rates: A Review of Concepts and Related Issues*, Available at SSRN 3519984.
5. Deloitte, (2010), *So sánh IFRS (IAS) và VAS*, tại <http://vacpa.org.vn/Page/Detail.aspx?newid=4332> truy cập ngày 27/3/2022
6. Giang, N. T. M, (2012), *Một số trao đổi về kế toán chênh lệch tỷ giá theo quy định hiện hành*, *Tạp chí Ngân hàng*, số 14, 5/9/2012.
7. Hong, T. L. T. B., & Nga, N. T, (2021), *Chuẩn mực BCTC quốc tế IFRS: Quan điểm và cách tiếp cận của các quốc gia trên thế giới*, *TNU Journal of Science and Technology*, 226(17), 144-151.
8. Huyen, N. T., & Giang, N. N, (2020), *Khác biệt giữa VAS và IAS/IFRS: Nguyên nhân và giải pháp*, *Tạp chí Công thương*, 3, 248-251.
9. Huong, L. T. T, (2017), *Điều chỉnh BCTC theo mô hình giá trị hợp lý trong điều kiện nền kinh tế lạm phát*, tại <http://www.tapchicongthuong.vn/bai-viet/dieu-chinh-bao-cao-tai-chinh-theo-mo-hinh-gia-tri-hop-ly-trong-dieu-kien-nen-kinh-te-lam-phat-26683.html>, truy cập ngày 27/3/2022
10. *IAS 29 BCTC trong nền kinh tế siêu lạm phát*, tại <https://ifrs.vn/document/ias-29-bao-cao-tai-chinh-trong-nen-kinh-te-sieu-lam-phat-7282/>, truy cập ngày 2/4/2022.
11. IASB, (2018), *Use of IFRS around the world overview*, tại <https://www.ifrs.org/content/dam/ifrs/around-the-world/adoption/use-of-ifrs-around-the-world-overview-sept-2018.pdf>, truy cập ngày 2/4/2022.
12. *IAS 39 Công cụ tài chính ghi nhận*, tại <https://ketoanstartup.com/portfolio/ias-39-cong-cu-tai-chinh-ghi-nhan/>, truy cập ngày 31/3/2022.
13. *IFRS: Quan điểm và cách tiếp cận của các quốc gia trên thế giới*, *TNU Journal of Science and Technology*, 226(17), 144-151.
14. Mai, N. T. H, (2013), *Tìm hiểu vấn đề chi phí và lợi ích khi thực hiện IFRS ở Anh và ở Ý*.
15. Merve, K., Ali. U., & Başak, A, (2014), *Preparedness for and perception of IFRS for SMEs: evidence from Turkey*, *Accounting and Management Information Systems*, 13 (3), 492-519.
16. Ngoc, T. B., Oanh, T. T. L., & Huy, M. D, (2020), *Roadmap for the implementation of IFRS in Vietnam: Benefits and challenges*, *Accounting*, 6(4), 533-552.
17. Odia, J. O., & Ogiedu, K. O, (2013), *IFRS Adoption: Issues, Challenges and Lessons for Nigeria and other Adopters*, *Mediterranean Journal of Social Sciences*, 4(3), 389-399, <https://doi.org/10.5901/mjss.2013.v4n3p389>
18. Thoai, P. V, (2017), *Sự hòa hợp giữa VAS và quốc tế trong trình bày BCTC*, (Doctoral dissertation, Đại học Tây Đô).
19. Van, (2019), *Nhiều lợi ích khi Việt Nam áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế IFRS*, tại <https://haiquanonline.com.vn/nhieu-loi-ich-khi-viet-nam-ap-dung-chuan-muc-ke-toan-quoc-te-ifrs-99892.html>, truy cập ngày 31/3/2022.